

Số: 691 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình giải quyết thủ tục hành chính: Đăng ký kết hôn, Xác
nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến
kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy
định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy
định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP
ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Hộ tịch;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ
Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số
87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ
tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;*

*Căn cứ Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính
phủ về việc phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên
Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 309/QĐ-BTP ngày 10/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư
pháp về việc ban hành Quy trình giải quyết thủ tục hành chính: Đăng ký kết
hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 29/TTr-STP ngày
20 tháng 3 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 03 quy trình giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến, (trong đó: cấp huyện có 01 TTHC, cấp xã có 02 TTHC) thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Điều kiện thực hiện

- Việc nộp hồ sơ đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh chỉ được thực hiện với điều kiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã hoàn thành việc kết nối, khai thác dữ liệu công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và kết nối, liên thông dữ liệu với Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp.

- Công dân có yêu cầu giải quyết TTHC đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến có tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc tài khoản định danh điện tử mức độ 2 theo quy định của Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Thông tin và Truyền thông

Hoàn thành việc kết nối, liên thông Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Sở Tư pháp có trách nhiệm:

- Cập nhật TTHC ban hành kèm theo Quyết định này vào Hệ thống Cơ sở dữ liệu TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định; Công khai TTHC này trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị;

- Theo dõi, giám sát việc thực hiện quy trình giải quyết TTHC: Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến theo đúng quy định pháp luật. Kịp thời báo cáo, tham mưu giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

- Hoàn thành việc cấu hình TTHC liên quan đến phần việc của mình trên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;

- Thực hiện giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền và nhiệm vụ, công khai các TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 309/QĐ-BTP ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Bộ Tư pháp tại trụ sở cơ quan và trên Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tư pháp;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục I
QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:
ĐĂNG KÝ KẾT HÔN, XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN TRỰC TUYẾN
(Kèm theo Quyết định số: 691 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

1. Phạm vi áp dụng

- Quy trình giải quyết thủ tục hành chính (TTHC): Đăng ký kết hôn (ĐKKH), xác nhận tình trạng hôn nhân (XNTTHN) áp dụng đối với trường hợp người có yêu cầu là công dân Việt Nam thực hiện thủ tục ĐKKH tại Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người có yêu cầu thực hiện TTHC: ĐKKH, XNTTHN nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>).

2. Trình tự thực hiện

Bước 1. Nộp, tiếp nhận hồ sơ

- Người có yêu cầu truy cập Cổng Dịch vụ công quốc gia/ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống.

- Người có yêu cầu lựa chọn cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền giải quyết thủ tục ĐKKH, thực hiện quy trình nộp hồ sơ: ĐKKH, XNTTHN trực tuyến.

Cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền giải quyết thủ tục ĐKKH theo quy định tại khoản 1 Điều 17 (UBND cấp xã nơi cư trú của một trong hai bên nam, nữ), khoản 1 Điều 37 Luật Hộ tịch (UBND cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam).

- Người có yêu cầu cung cấp thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác ĐKKH, XNTTHN (có mẫu kèm theo); đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.

Bước 2. Sau khi người có yêu cầu hoàn tất việc nộp hồ sơ trên hệ thống, cán bộ tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.

2.1. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì chuyển hồ sơ để công chứng làm công tác hộ tịch xử lý, đồng thời gửi thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ thời gian trả kết quả. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h00 mà không thể giải quyết ngày thì gửi Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ thời gian trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo;

2.2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì gửi thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu

rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước 2.1;

2.3. Trường hợp người có yêu cầu không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Lãnh đạo UBND gửi thông báo từ chối giải quyết qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người yêu cầu.

Bước 3. Công chức làm công tác hộ tịch thẩm tra hồ sơ

3.1. Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ - thực hiện lại bước 2.2 hoặc 2.3;

3.2. Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu.

3.3. Quy trình xử lý hồ sơ

- Đối với trường hợp công dân Việt Nam có yêu cầu đăng ký kết hôn tại UBND cấp xã nơi công dân thường trú, công chức làm công tác hộ tịch tự kiểm tra, xác minh thông tin về TTHN của công dân.

Trường hợp công dân Việt Nam có yêu cầu ĐKKH không thường trú tại UBND cấp xã nơi nộp hồ sơ ĐKKH (bao gồm cả trường hợp ĐKKH có yếu tố nước ngoài tại UBND cấp huyện), công chức làm công tác hộ tịch sử dụng chức năng trên Hệ thống kiểm tra TTHN của công dân (nếu CSDLHTĐT có đủ thông tin của công dân), trường hợp không kiểm tra được TTHN của công dân thì bóc tách hồ sơ XNTTHN chuyển tới UBND cấp xã có thẩm quyền xác nhận TTHN.

Công chức tư pháp, hộ tịch của UBND cấp có thẩm quyền xác nhận TTHN có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống, kiểm tra, xác minh thông tin TTHN của công dân, hoàn tất thủ tục XNTTHN, chuyển trả kết quả là thông tin về GXNTTHN (ký số), TTHN của người có yêu cầu cho UBND nơi tiếp nhận hồ sơ ĐKKH.

- Sau khi nhận được kết quả phản hồi về TTHN, trường hợp hai bên nam nữ đủ điều kiện kết hôn, công chức làm công tác hộ tịch hoàn tất quy trình ĐKKH, ghi vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin ĐKKH trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung và chuyển sang Bước 4.

Bước 4. Công chức làm công tác hộ tịch in Giấy chứng nhận kết hôn, trình Lãnh đạo UBND ký, chuyển Bộ phận một cửa trả kết quả cho công dân.

Bước 5. Hai bên nam, nữ phải có mặt, xuất trình giấy tờ tùy thân (*hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng*) để xác định đúng nhân thân, kiểm tra thông tin trên Giấy chứng nhận kết hôn, trong Sổ đăng ký kết hôn, khẳng định sự tự nguyện kết hôn và ký Sổ ĐKKH, ký Giấy chứng nhận kết hôn, mỗi bên nam, nữ nhận 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn.

4. Thành phần hồ sơ

- Biểu mẫu điện tử tương tác ĐKKH, XNTTHN.

- Người có yêu cầu tải lên bản chụp các giấy tờ sau:

+ Giấy tờ hợp lệ để chứng minh người có yêu cầu đủ điều kiện kết hôn;

Đối với kết hôn có yếu tố nước ngoài:

* Giấy xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài xác nhận các bên kết hôn không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

* Giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp còn giá trị sử dụng, xác nhận hiện tại người đó không có vợ hoặc không có chồng; trường hợp nước ngoài không cấp xác nhận tình trạng hôn nhân thì thay bằng giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài xác nhận người đó có đủ điều kiện kết hôn theo pháp luật nước đó.

* Người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài phải nộp bản sao hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu.

* Công dân Việt Nam đã ly hôn hoặc hủy việc kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài phải nộp bản sao trích lục hộ tịch về việc đã ghi vào sổ việc ly hôn hoặc hủy việc kết hôn trái pháp luật (Trích lục ghi chú ly hôn);

* Công dân Việt Nam là công chức, viên chức hoặc đang phục vụ trong lực lượng vũ trang phải nộp văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý xác nhận việc kết hôn với người nước ngoài không trái với quy định của ngành đó;

* Trường hợp người yêu cầu đăng ký kết hôn đang công tác, học tập, lao động có thời hạn ở nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài cấp.

- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên;

- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú. Trường hợp thông tin về nơi cư trú đã có trong CSDLQGVC, được điền tự động thì không phải tải lên.

5. Thời hạn giải quyết

- Đối với hồ sơ ĐKKH thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện: 15 ngày.

- Đối với hồ sơ ĐKKH thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã

Ngay trong ngày làm việc, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.

- Đối với hồ sơ xác nhận TTHN: Trong ngày làm việc.

6. Lệ phí:

*** Hồ sơ đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài:**

- 1.400.000 đồng/trường hợp.

- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật, người cao tuổi.

*** Hồ sơ đăng ký kết hôn cấp xã: Miễn lệ phí**

*** Hồ sơ xác nhận TTHN:**

- 12.000 đồng/trường hợp.

- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật, người cao tuổi.

- Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục

Trường hợp người yêu cầu chưa nộp được lệ phí, phí thông qua chức năng thanh toán trên Công dịch vụ công thì nộp tại Cơ quan đăng ký hộ tịch khi đến nhận kết quả.

7. Điều kiện:

- Việc nộp hồ sơ ĐKKH, XNTTHN trực tuyến trên Công Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh chỉ được thực hiện với điều kiện Công dịch vụ công/thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã hoàn thành việc kết nối, khai thác dữ liệu công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và kết nối, liên thông dữ liệu với Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp.

- Công dân có yêu cầu giải quyết TTHC ĐKKH, XNTTHN trực tuyến có tài khoản trên Công Dịch vụ công quốc gia hoặc tài khoản định danh điện tử mức độ 2 theo định của Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

8. Căn cứ pháp lý

- Luật Hộ tịch năm 2014;

- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

- Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

- Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;

- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ KẾT HÔN, XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN

I. Thông tin về bên nữ có yêu cầu giải quyết TTHC cấp Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân

- (1) Ảnh (trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài);
- (2) Họ, chữ đệm, tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (4) Giới tính;
- (5) Dân tộc;
- (6) Quốc tịch;
- (7) Số định danh cá nhân;
- (8) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú);
- (10) Kết hôn lần thứ mấy;
- (11) Tình trạng hôn nhân;
- (12) Yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân:

☐ Có
☐ Không
- (13) Nơi xác nhận tình trạng hôn nhân:

II. Thông tin bên nam có yêu cầu giải quyết TTHC cấp Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân

- (1) Ảnh (trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài);
- (2) Họ, chữ đệm, tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (4) Giới tính;
- (5) Dân tộc;
- (6) Quốc tịch;
- (7) Số định danh cá nhân;
- (8) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú);
- (10) Kết hôn lần thứ mấy;
- (11) Tình trạng hôn nhân;
- (12) Yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân:

☐ Có
☐ Không
- (13) Đề nghị cấp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn:

☐ Có
 Số lượng bản sao yêu cầu: ...
☐ Không

(14) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, việc kết hôn của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Biểu mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Nơi xác nhận tình trạng hôn nhân là nơi người có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân thường trú, trường hợp ĐKKH tại nơi thường trú thì không cần xác nhận tình trạng hôn nhân.

Người yêu cầu đăng ký kết hôn nhận bản chính Giấy chứng nhận kết hôn trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Lưu ý: Người có yêu cầu đăng ký kết hôn chỉ cần khai thông tin về họ, chữ đệm, tên; Số định danh cá nhân, các thông tin còn lại sẽ tự động điền vào biểu mẫu điện tử tương tác.

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:
ĐĂNG KÝ KẾT HÔN, XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN TRỰC TUYẾN
(Kèm theo Quyết định số: 691 /QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

I. TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

1. ĐĂNG KÝ KẾT HÔN (ĐKKH) CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
	Công dân	- Công dân truy cập Cổng Dịch vụ công quốc gia (DVCQG) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; đăng ký/đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử; - Công dân điền các thông tin trên Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn, tải lên các giấy tờ cần thiết⁽¹⁾	
Bước 1	Trung tâm Hành chính công	Công chức Bộ phận Một cửa có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì chuyển hồ sơ ĐKKH để công chức làm công tác hộ tịch xử lý, đồng thời gửi thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại, trong đó nêu rõ thời gian trả kết quả. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h mà không thể giải quyết ngay thì gửi Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại trong đó nêu rõ thời gian trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để	04 giờ làm việc

		người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện; Trường hợp người có yêu cầu ĐKKH không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có văn bản từ chối giải quyết yêu cầu ĐKKH. Thông báo từ chối tiếp nhận hoặc thông báo bổ sung hồ sơ gửi vào địa chỉ email/thiết bị số của công dân.	
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Tư pháp	Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công chuyên viên giải quyết	02 giờ làm việc
Bước 3	Công chức Phòng Tư pháp	Công chức làm công tác hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu đính kèm). Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ. Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại. Trường hợp công dân có yêu cầu ĐKKH không thường trú tại UBND cấp xã nơi nộp hồ sơ ĐKKH công chức làm công tác hộ tịch sử dụng chức năng trên Hệ thống kiểm tra TTHN của công dân (nếu CSDLHTĐT có đủ thông tin của công dân), trường hợp không kiểm tra được TTHN của công dân thì bóc tách hồ sơ XNTTHN chuyển tới UBND cấp xã có thẩm quyền xác nhận TTHN. Công chức tư pháp, hộ tịch của UBND cấp có thẩm quyền xác nhận TTHN có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống, kiểm tra, xác minh thông tin TTHN của công dân, hoàn tất thủ tục XNTTHN chuyển trả kết quả là thông tin về GXNTTHN (ký số), TTHN của người có yêu cầu cho UBND nơi tiếp nhận hồ sơ ĐKKH. Sau khi nhận được kết quả phản hồi về TTHN, trường hợp hai bên nam nữ đủ	64 giờ làm việc

		điều kiện kết hôn, công chức làm công tác hộ tịch hoàn tất quy trình ĐKKH, thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin đăng ký kết hôn trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.	
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Tư pháp	Thẩm định, xem xét, ký Tờ trình trình Lãnh đạo UBND huyện	08 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo UBND huyện	Thẩm định, xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	16 giờ làm việc
Bước 6	Văn thư UBND huyện	Đóng dấu, chuyển kết quả cho Phòng Tư pháp	02 giờ làm việc
Bước 7	Phòng Tư pháp	Ghi vào sổ hộ tịch, Tổ chức trao giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam nữ.	24 giờ làm việc
	Công dân	Hai bên nam, nữ: - Xuất trình CCCD; - Ký Sổ ĐKKH, Giấy chứng nhận kết hôn. - Nhận Giấy chứng nhận kết hôn bản chính.	
Bước 8	Trung tâm Hành chính công	Xác nhận trên phần mềm một cửa và thu lệ phí.	
Tổng thời gian giải quyết TTHC			120 giờ làm việc

II. TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

1. ĐĂNG KÝ KẾT HÔN (ĐKKH)

- Thời hạn giải quyết: Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo). Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
--------	------------------------	--------------------	---------------------

công việc			
	Công dân	- Công dân truy cập Cổng DVCQG hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; đăng ký/đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử; - Công dân điền các thông tin trên Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn, tải lên các giấy tờ cần thiết⁽¹⁾	
Bước 1	Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã	Truy cập Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì chuyển hồ sơ ĐKKH để công chức làm công tác hộ tịch xử lý. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h00 mà không thể giải quyết ngay thì có Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả cho công dân trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp người có yêu cầu ĐKKH không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có văn bản từ chối giải quyết yêu cầu ĐKKH. Thông báo từ chối tiếp nhận hoặc thông báo bổ sung hồ sơ gửi vào địa chỉ email/thiết bị số của công dân.	02 giờ làm việc
Bước 2	Công chức tư pháp-hộ tịch	Công chức làm công tác hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu đính kèm). Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ.	- 04 giờ làm việc - 32 giờ làm việc

		Trường hợp công dân có yêu cầu ĐKKH không thường trú tại UBND cấp xã nơi nộp hồ sơ ĐKKH công chức làm công tác hộ tịch sử dụng chức năng trên Hệ thống kiểm tra TTHN của công dân (nếu CSDLHTĐT có đủ thông tin của công dân), trường hợp không kiểm tra được TNH của công dân thì bóc tách hồ sơ XNTTHN chuyển tới UBND cấp xã có thẩm quyền xác nhận TTHN. Công chức tư pháp, hộ tịch của UBND cấp có thẩm quyền xác nhận TTHN có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống, kiểm tra, xác minh thông tin TTHN của công dân, hoàn tất thủ tục XNTTHN chuyển trả kết quả là thông tin về GXNTTHN (ký số), TTHN của người có yêu cầu cho UBND nơi tiếp nhận hồ sơ ĐKKH. Sau khi nhận được kết quả phản hồi về TTHN, trường hợp hai bên nam nữ đủ điều kiện kết hôn, công chức làm công tác hộ tịch hoàn tất quy trình ĐKKH, thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin đăng ký kết hôn trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp.	
Bước 3	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo UBND cấp xã ký Giấy chứng nhận kết hôn bản giấy	01 giờ làm việc
Bước 4	Bộ phận văn phòng	Đóng dấu, chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch.	01 giờ làm việc
Bước 5	Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã	Ghi vào sổ hộ tịch, người đi đăng ký ký vào Sổ, Trả kết quả cho người yêu cầu.	
	Công dân	Hai bên nam, nữ: - Xuất trình CCCD; - Ký Sổ ĐKKH, Giấy chứng nhận kết hôn. - Nhận Giấy chứng nhận kết hôn bản chính.	

Tổng thời gian giải quyết TTHC không tiến hành xác minh		08 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC cần phải xác minh		40 giờ làm việc

2. XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN (XNTTHN)

- Thời hạn giải quyết: Trong ngày làm việc
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
	Công dân	- Công dân truy cập Cổng DVCQG hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; đăng ký/đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử; - Công dân điền các thông tin trên Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn, tải lên các giấy tờ cần thiết⁽¹⁾	
Bước 1	Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã	Truy cập Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh một cửa kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì chuyển hồ sơ XNTTHN để công chức làm công tác hộ tịch xử lý. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp người có yêu cầu XNTTHN không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có văn bản từ chối giải quyết yêu cầu cấp XNTTHN. Thông báo từ chối tiếp nhận hoặc thông báo bổ sung hồ sơ gửi vào	02 giờ làm việc

		địa chỉ email/thiết bị số của công dân.	
Bước 2	Công chức tư pháp-hộ tịch	Công chức làm công tác hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu đính kèm). Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ.	- 04 giờ làm việc
Bước 3	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo UBND cấp xã ký Giấy XNTHHN bản giấy	01 giờ làm việc
Bước 4	Bộ phận văn phòng	Đóng dấu, chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch.	01 giờ làm việc
Bước 5	Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã	Ghi vào sổ hộ tịch, người đi đăng ký ký vào Sổ, Trả kết quả cho người yêu cầu.	
	Công dân	- Xuất trình CCCD; - Ký Sổ cấp Giấy XNTTHN. - Nhận Giấy xác nhận TTHN bản chính.	
Tổng thời gian giải quyết TTHC			08 giờ làm việc